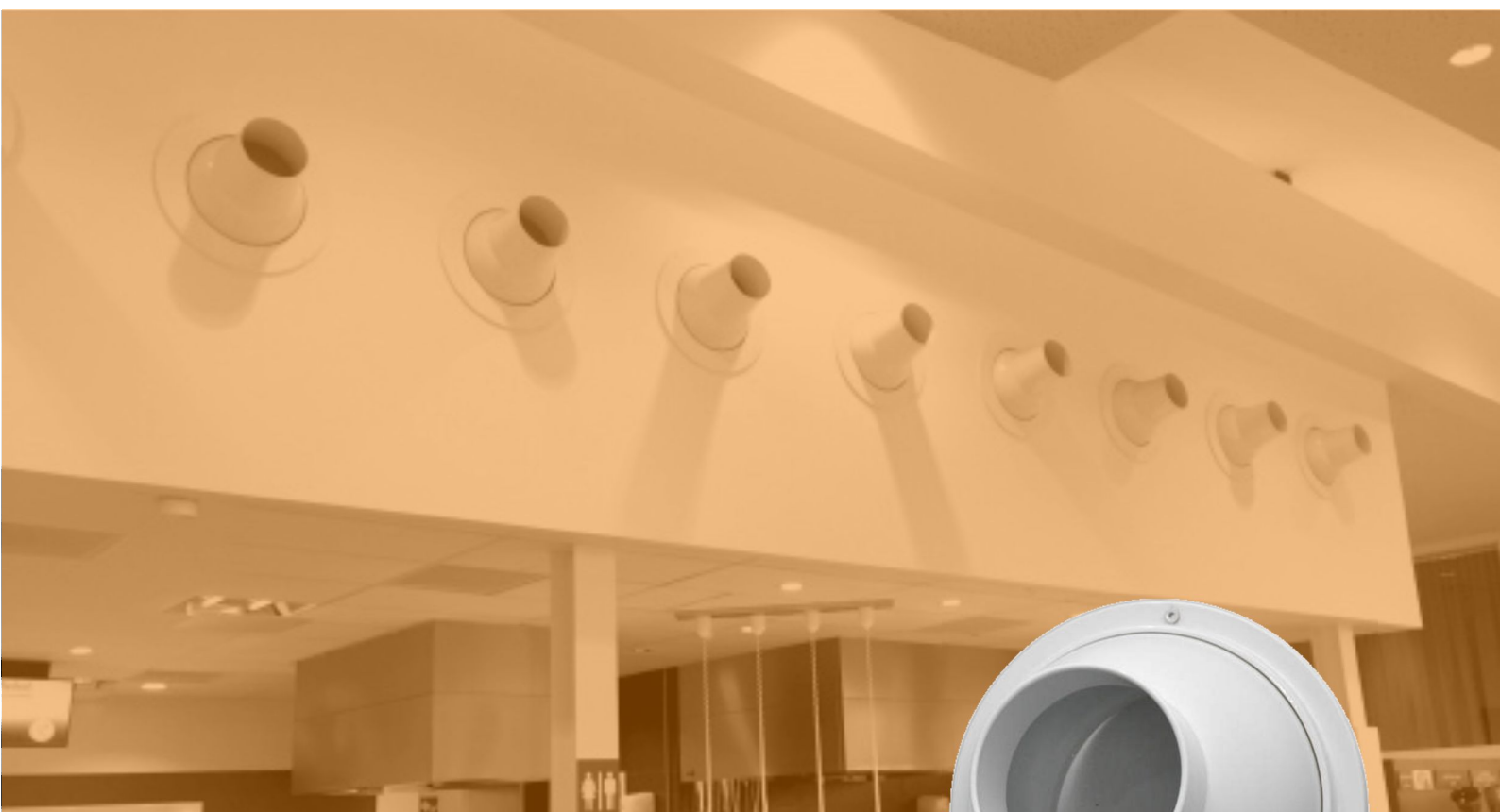
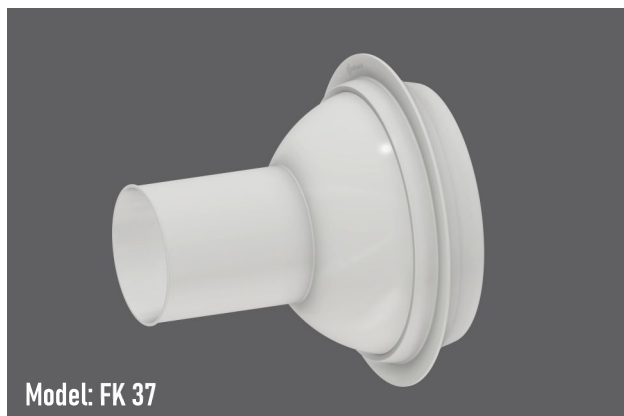


CỬA KHUẾCH TÁN CỤC BỘ



Model:
FK 37

CỬA KHUẾCH TÁN CỤC BỘ



Model: FK 37

ỨNG DỤNG CHÍNH

Khuếch tán cầu cục bộ có lõi chỉnh hướng dùng cho các ứng dụng cấp khí xa trong các không gian rộng.

FK 37 có thiết kế linh hoạt cho phép đưa khí tới bất kỳ điểm nào trong phạm vi góc quét 40° giúp tối ưu hóa hoạt động cấp khí cho những khu vực không thể lắp đặt các loại cửa khuếch tán trần ví dụ trong các siêu thị, phòng lớn, xưởng lắp ráp v.v.

Vỏ và lõi của sản phẩm với độ thẩm mỹ cao và độ ồn thấp, nên còn có thể áp dụng cho các hội trường, phòng hòa nhạc.

VẬT LIỆU

- Khung và lõi: nhôm mác cao tiền chế mác 6010

HOÀN THIỆN

- Màu tiêu chuẩn: sơn tĩnh điện trắng mờ (có tùy chọn màu mã RAL)

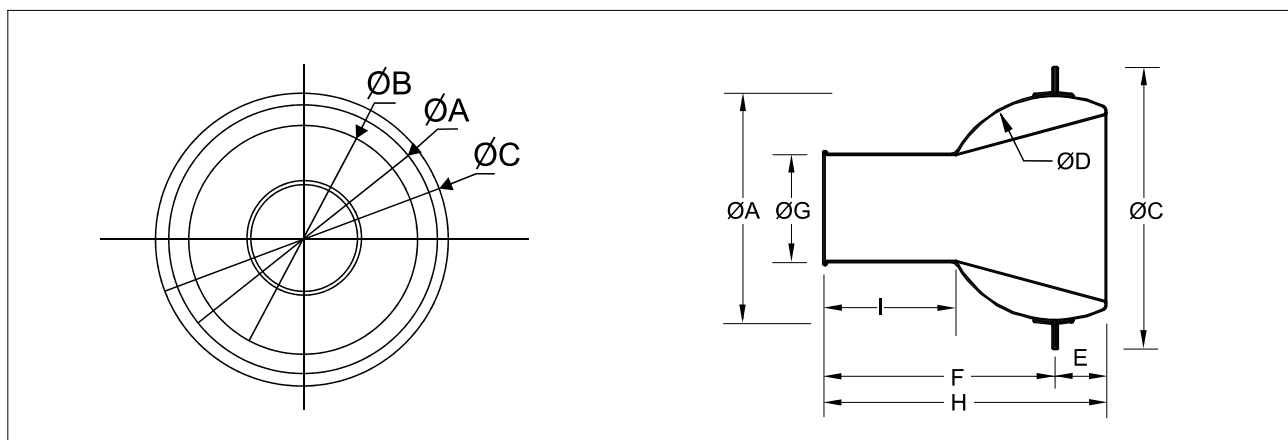
KÍCH THƯỚC

- Tùy chọn Ø200 - Ø400 (xem bảng)

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- Kết cấu chắc chắn không mối hàn, không vít bắt - **ĐỘ ỔN THẤP**
- Thẩm mỹ cao, sơn tĩnh điện có tuổi thọ lên tới 20 năm
- Trọng lượng nhẹ, dễ lắp đặt, có thể chỉnh hướng dòng

CHI TIẾT CẤU TẠO



(ĐVT: mm)

CỖ	ØA	ØB	ØC	ØD	E	F	ØG	H	I	Lỗ mở ống gió	Góc quay max.
FK37-200	230	200	250	203	45	120	100	165	40	208	42°
FK37-300	340	304	362	314	62	200	165	262	50	318	39°
FK37-400	450	410	470	420	92	247	225	340	60	425	40°

MÃ ĐẶT HÀNG

FK 37 - Ø - RAL

Cửa tiêu chuẩn

Cỡ cửa

Tùy chọn: mã màu RAL

Ví dụ: **FK26-400** = Cửa khuếch tán cầu màu trắng, kích thước cỡ 400 (mm)

THÔNG SỐ HOẠT ĐỘNG

Model		FK 37-200: diện tích ống xả (0.0078 m ²)						
Thông số		Cự ly thổi (m) (cho lưu tốc đầu cuối - m/s)				Ps (Pa)	Lưu tốc ra (m/s)	Chỉ số ồn NC
		0.25	0.50	0.75	1.00			
Các mức lưu lượng qua cửa (m ³ /h)	75	8.0	4.0	2.15	1.23	4	2.54	-
	155	12.0	6.0	3.6	1.80	15	5.08	-
	225	19.0	9.0	4.8	2.70	43	7.62	-
	295	26.0	11.8	6.0	3.35	68	10.16	22
	365	32.0	15.8	8.2	3.90	95	12.70	27
	435	38.0	19.0	9.1	5.20	160	15.24	33
	505	45.7	22.0	17.0	5.80	230	17.78	36
	575	49.0	24.0	11.6	6.00	300	20.32	40

Model		FK 37-300: diện tích ống xả (0.0213 m ²)						
Thông số		Cự ly thổi (m) (cho lưu tốc đầu cuối - m/s)				Ps (Pa)	Lưu tốc ra (m/s)	Chỉ số ồn NC
		0.25	0.50	0.75	1.00			
Các mức lưu lượng qua cửa (m ³ /h)	200	10.0	5.2	2.8	1.8	3	2.54	-
	400	20.0	10.0	5.0	2.0	16	5.08	-
	610	30.0	15.0	8.0	4.0	45	7.62	-
	800	42.0	20.0	10.0	5.2	54	10.16	23
	975	49.0	25.0	17.8	6.7	107	12.70	28
	1165	57.0	30.0	15.0	7.5	150	15.24	32
	1370	67.0	34.0	17.0	9.0	230	17.78	36
	1560	76.0	39.6	21.4	10.3	300	20.32	40

Model		FK 37-400: diện tích ống xả (0.0397 m ²)						
Thông số		Cự ly thổi (m) (cho lưu tốc đầu cuối - m/s)				Ps (Pa)	Lưu tốc ra (m/s)	Chỉ số ồn NC
		0.25	0.50	0.75	1.00			
Các mức lưu lượng qua cửa (m ³ /h)	390	14.0	7.6	3.6	2.1	3	2.54	-
	780	27.4	14.3	7.3	3.6	15	5.08	20
	1180	42.0	20.0	11.0	5.5	30	7.62	21
	1560	53.0	29.0	15.0	7.5	53	10.16	26
	1890	68.5	34.0	16.7	8.5	103	12.70	29
	2275	76.0	41.7	20.0	10.6	155	15.24	37
	2660	84.0	49.0	24.0	12.8	230	17.78	40
	3050	106.0	53.0	29.0	14.3	300	20.32	44

GHI CHÚ: Các dấu gạch ngang (-) là giá trị < 20